



CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
TOÀN TẬP ĐOÀN FPT**

QUÝ IV NĂM 2011





CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
TOÀN TẬP ĐOÀN FPT**

QUÝ IV NĂM 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MÃ SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		11.410.324.009.188	8.839.022.362.540
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	6	2.900.388.600.451	1.436.127.765.530
1	Tiền	111		1.496.143.986.570	861.718.472.654
2	Các khoản tương đương tiền	112		1.404.244.613.880	574.409.292.876
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		860.197.468.810	563.892.171.622
1	Đầu tư ngắn hạn	121	7	860.197.468.810	563.892.171.622
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	(2.000.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		3.835.502.333.309	3.248.876.343.735
1	Phải thu của khách hàng	131		3.071.221.994.573	2.355.779.082.971
2	Trả trước cho người bán	132		231.893.736.976	241.613.024.080
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134		254.671.794.062	153.813.573.772
5	Các khoản phải thu khác	135	8	381.407.593.823	556.197.935.397
6	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(103.692.786.124)	(58.527.272.485)
IV. Hàng tồn kho		140	9	3.265.652.240.719	2.448.471.898.690
1	Hàng tồn kho	141		3.284.485.391.182	2.460.453.718.041
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(18.833.150.463)	(11.981.819.351)
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		548.583.365.899	1.141.654.182.963
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		85.587.721.115	72.424.202.826
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		398.463.044.483	310.143.861.018
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		38.095.433.386	12.448.920.935
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	10	26.437.166.914	746.637.198.184
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		3.614.584.884.796	3.465.522.080.811
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		1.028.639.950	376.000.000
4	Phải thu dài hạn khác	218		1.028.639.950	376.000.000
II. Tài sản cố định		220		2.185.959.023.343	2.000.339.297.036
1	Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.489.990.844.397	1.433.735.279.875
	Nguyên giá	222		2.677.614.497.404	2.393.560.750.522
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.187.623.653.007)	(959.825.470.647)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		595.836.958	730.633.347
	Nguyên giá	225		965.721.579	927.323.115
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		(369.884.621)	(196.689.768)
3	Tài sản cố định vô hình	227	12	272.287.085.547	243.376.909.739
	Nguyên giá	228		394.034.402.615	328.891.186.693
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(121.747.317.068)	(85.514.276.954)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	423.085.256.440	322.496.474.075
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		885.742.270.022	978.169.714.467
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	15	718.460.936.806	714.707.561.179
3	Đầu tư dài hạn khác	258	16	186.576.652.500	273.704.891.300
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(19.295.319.284)	(10.242.738.012)
V. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI		260		216.366.360.783	221.714.243.896
VI. Tài sản dài hạn khác		270		325.488.590.697	264.922.825.412
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		213.046.406.205	154.930.449.508
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	74.361.922.399	76.063.911.140
3	Tài sản dài hạn khác	268		38.080.262.093	33.928.464.764
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		280		15.024.908.893.983	12.304.544.443.351

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		8.528.728.913.844	7.255.512.891.181
I. Nợ ngắn hạn		310		8.296.037.365.302	5.439.122.118.786
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	18	4.674.454.686.852	2.675.925.083.352
2	Phải trả cho người bán	312		1.327.277.810.734	1.150.176.696.403
3	Người mua trả tiền trước	313		343.470.593.538	210.726.704.950
4	Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	19	329.499.144.991	242.203.522.628
5	Phải trả công nhân viên	315		276.336.158.747	211.764.307.064
6	Chi phí phải trả	316		294.272.972.588	218.871.640.449
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		20.319.765.998	30.226.884.835
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	20	516.232.702.538	286.391.139.496
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		24.125.222.347	32.544.452.120
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		183.023.430.367	155.375.371.131
12	Doanh thu chưa thực hiện	338		307.024.876.601	224.916.314.358
II. Nợ dài hạn		330		232.691.548.541	1.816.390.772.395
3	Phải trả dài hạn khác	333		196.674.666.730	10.294.803.322
4	Vay và nợ dài hạn	334	21	274.583.554	1.800.359.913.819
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		359.264.224	359.264.224
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.482.292.216	1.587.566.129
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337		557.179.639	2.936.645.570
8	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		33.343.562.178	852.579.331
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		5.529.646.847.813	3.983.400.714.548
I. Vốn chủ sở hữu		410	22	5.526.896.847.813	3.980.650.714.548
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.160.826.760.000	1.934.805.170.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		49.546.879.484	60.012.320.245
3	Cổ phiếu quỹ	414		(513.440.000)	(692.150.000)
5	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		19.803.465.040	17.276.091.131
6	Quỹ đầu tư phát triển	417		103.009.261	103.009.261
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	418		115.476.089.217	112.945.897.606
9	Lợi nhuận chưa phân phối	420		3.181.654.084.812	1.856.200.376.305
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		2.750.000.000	2.750.000.000
1	Nguồn kinh phí	432		2.750.000.000	2.750.000.000
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		500		966.533.132.326	1.065.630.837.622
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		600		15.024.908.893.983	12.304.544.443.351



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 02 năm 2012

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ IV NĂM 2011		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Tổng doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23	13.832.026.163.451	10.193.255.130.352	43.501.611.573.646	41.537.627.398.282
	Trong đó: - Doanh thu kinh doanh (*)			7.218.827.670.343	3.784.719.734.193	25.940.856.206.059	20.516.583.689.521
	- Doanh thu thuần bán cho bên thứ ba			7.022.397.636.936	3.634.915.243.176	25.439.820.457.009	20.017.303.667.573
2	Giá vốn hàng bán	11		12.178.538.952.968	9.386.845.006.259	38.152.129.583.638	37.401.048.594.146
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.653.487.210.483	806.410.124.093	5.349.481.990.009	4.136.578.804.136
4	Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	120.361.598.180	53.244.535.509	548.955.591.553	464.258.807.267
5	Chi phí tài chính	22	25	135.532.517.881	178.219.905.505	698.975.621.885	559.127.001.271
	Trong đó: chi phí lãi vay	23	25	54.626.306.021	8.316.145.168	251.784.496.392	238.147.740.131
6	Chi phí bán hàng	24		259.466.488.820	(202.864.385.445)	819.844.370.319	647.065.826.854
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		717.798.738.813	438.711.098.415	1.970.696.416.767	1.517.960.954.686
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		661.051.063.148	445.588.041.127	2.408.921.172.592	1.876.683.828.592
9	Thu nhập khác	31		115.737.837.111	(27.251.642.448)	242.857.292.710	144.687.563.509
10	Chi phí khác	32		102.360.554.271	(28.626.579.345)	197.515.556.368	106.011.889.135
11	Lợi nhuận khác	40		13.377.282.840	1.374.936.897	45.341.736.343	38.675.674.374
12	Lợi nhuận từ công ty liên doanh liên kết			(25.782.152.604)	27.757.180.788	60.762.006.711	107.833.643.476
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		648.646.193.384	474.720.158.812	2.515.024.915.645	2.023.193.146.442
14	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		59.431.702.369	66.449.624.314	424.727.295.240	346.753.884.741
15	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		9.525.457.268	(20.974.589.197)	1.701.988.741	(15.317.991.593)
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		579.689.033.747	429.245.123.695	2.088.595.631.665	1.691.757.253.294
	- Lợi ích của cổ đông thiểu số			116.943.179.029	123.961.799.486	397.329.534.986	427.250.900.305
	- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			462.745.854.717	305.283.324.209	1.691.266.096.679	1.264.506.352.989
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	2.163	1.573	7.905	6.584

Chi chú (*): Là doanh số bán hàng bán cho khách hàng bên ngoài và phần doanh thu bán cho các đơn vị trong tập đoàn với mục đích kinh doanh (ví dụ như doanh thu FPT Telecom bán dịch vụ Internet cho các đơn vị khác trong tập đoàn FPT)



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 01 tháng 02 năm 2012

(Signature)

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Lợi nhuận trước thuế	01	2.515.024.915.645	2.023.193.146.442
2	Điều chỉnh cho các khoản:			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	355.437.434.515	329.405.999.993
-	Các khoản dự phòng	03	59.069.426.023	20.246.387.805
-	(Lợi nhuận)/Lỗ thuần từ đầu tư vào công ty liên kết		(44.288.089.127)	(87.904.125.275)
-	Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính	04	409.467.514	6.764.052.109
-	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(241.702.305.847)	(454.570.894.686)
-	Chi phí lãi vay	06	251.784.496.392	238.147.740.131
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.895.735.345.115	2.075.282.306.519
-	(Tăng) các khoản phải thu	09	(597.504.073.885)	(538.514.304.725)
-	(Tăng) hàng tồn kho	10	(824.031.673.141)	(1.025.744.658.403)
-	Tăng (giảm) các khoản phải trả (ko kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	707.376.260.698	796.734.112.550
-	(Tăng) chi phí trả trước	12	(71.279.474.986)	(51.501.636.948)
-	Tiền lãi vay đã trả	13	(142.207.132.484)	(250.492.904.816)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(381.010.748.007)	(407.116.316.964)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(129.648.424.296)	(113.131.548.159)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.457.430.079.015	485.515.049.054
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(523.412.869.918)	(875.985.423.639)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	13.618.557.987	8.771.598.355
3	Biến động các khoản cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(294.305.297.188)	340.441.373.368
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	803.192.238.800	(1.190.187.163.896)
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	258.427.546.710	276.456.491.097
	Tiền chi mua lại phần vốn góp của các cổ đông thiểu số		-	(38.409.960.104)
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	257.520.176.391	(1.478.913.084.819)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	27.716.100.000	18.146.090.000
2	Vốn góp của các cổ đông thiểu số vào các công ty con		6.511.460.000	34.942.420.000
3	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	7.916.050.000	2.113.400.000
4	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	8.939.913.748.490	10.294.347.714.483
5	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.741.469.477.255)	(9.944.279.366.412)
6	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		
7	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(491.277.301.721)	(286.254.483.409)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(250.689.420.485)	119.015.774.662
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ	50	1.464.260.834.921	(874.382.261.103)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.436.127.765.530	2.310.510.026.631
	Tiền và tương đương tiền cuối năm/kỳ	70	2.900.388.600.451	1.436.127.765.528



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 02 năm 2012

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần FPT ban đầu là một công ty nhà nước được thành lập tại Việt Nam và sau này được cổ phần hóa theo Quyết định số 178/QĐ-TTg và chính thức trở thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần FPT hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/05/2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Tại ngày 31/12/2011, Công ty Cổ phần FPT có 10 công ty con như sau:

- Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT;
- Công ty TNHH Thương mại FPT;
- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT;
- Công ty TNHH Phần mềm FPT;
- Công ty TNHH Dịch vụ Tin học FPT;
- Công ty TNHH Truyền thông giải trí FPT;
- Công ty TNHH Giáo dục FPT;
- Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT;
- Công ty TNHH Đầu tư FPT;
- Công ty TNHH Tháp Láng Hạ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 12 năm 2008, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT thành Công ty Cổ phần FPT.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 16 tháng 09 năm 2011, tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần FPT là 2.160.826.760.000 đồng.

Từ tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty Cổ phần FPT được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 12.000 người (31 tháng 12 năm 2010 là 11.424 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Tập đoàn là cung cấp các sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin, viễn thông và đầu tư. Các sản phẩm và dịch vụ được cung cấp chủ yếu bao gồm: tích hợp hệ thống; sản xuất và cung cấp dịch vụ phần mềm; các dịch vụ công nghệ thông tin; các dịch vụ ERP; sản xuất các sản phẩm công nghệ; phân phối sản phẩm công nghệ thông tin; phân phối điện thoại di động; dịch vụ giải pháp phần mềm; các dịch vụ viễn thông và internet; đào tạo; bảo hành và bảo trì thiết bị công nghệ thông tin và thiết bị viễn thông và các dịch vụ viễn thông khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã được dịch sang Tiếng Anh từ bản báo cáo tài chính hợp nhất phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong năm của Tập đoàn.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các báo cáo tài chính của Công ty và các báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Dầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho của Tập đoàn được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO), phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011 (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 25
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Tài sản khác	3 - 25

Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao

Tài sản cố định thuê tài chính được hình thành từ giao dịch thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

Tập đoàn ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tập đoàn theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tập đoàn về chi phí đi vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao****(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao.

(ii) Giấy phép, quyền phát hành và bản quyền

Giá mua giấy phép được hạch toán như tài sản cố định vô hình. Giấy phép được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm. Quyền khai thác đường truyền internet tốc độ cao - dự án Asia America Gateway ("AAG") được khấu hao trong 15 năm.

Giá mua quyền phát hành và bản quyền mới được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Quyền phát hành và bản quyền được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

(iii) Nhãn hiệu hàng hóa

Giá mua nhãn hiệu hàng hóa và thương hiệu được ghi nhận vào tài sản cố định vô hình. Nhãn hiệu hàng hóa và thương hiệu được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản này.

(iv) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm máy tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê và chi phí thuê văn phòng. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng thuê.

Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, các thiết bị loại nhỏ và các chi phí tân trang văn phòng được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ dần vào chi phí trong vòng từ hai đến ba năm.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tập đoàn có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng (tiếp theo)

Dự phòng bảo hành

Dự phòng bảo hành liên quan chủ yếu đến số hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp. Dự phòng được lập dựa trên ước tính từ những số liệu về bảo hành trong các năm trước đó cho các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Dự phòng bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay

Dự phòng bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay là các bảo lãnh mà Đại học FPT đã cấp cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), chi nhánh Hà Thành và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong liên quan đến các khoản cho vay mà Ngân hàng cấp cho các sinh viên của Đại học FPT, một công ty con của Tập đoàn.

Các quỹ

(i) Quỹ đầu tư, phát triển

Quỹ đầu tư, phát triển được lập hàng năm bằng cách phân bổ lợi nhuận sau thuế. Từ năm 2006, theo các điều khoản và điều kiện quy định trong Điều lệ Công ty sửa đổi, Công ty không tiếp tục trích lập Quỹ đầu tư và phát triển.

Quỹ đầu tư, phát triển được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc. Khi quỹ đầu tư, phát triển được sử dụng cho các mục đích này, giá trị đã sử dụng được kết chuyển sang vốn.

(ii) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được lập hàng năm bằng cách phân bổ 5% lợi nhuận thuần sau thuế cho đến khi số dư quỹ tương đương với 10% vốn điều lệ.

(iii) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được lập hàng năm bằng cách phân bổ tối đa 10% lợi nhuận thuần sau thuế.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****Doanh thu từ cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu từ dịch vụ gia công

Doanh thu từ các dịch vụ gia công được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hóa được gia công và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông

Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian mà các dịch vụ thực tế được cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu từ bán thẻ điện thoại, thẻ internet và thẻ trò chơi trực tuyến trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành. Các khoản thu được từ việc bán thẻ trả trước, nhưng thẻ đã bán chưa được sử dụng hoặc chưa hết hạn sử dụng, được ghi nhận vào tài khoản người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian quảng cáo ghi trong hợp đồng.

Doanh thu từ học phí và phí

Doanh thu được ghi nhận trong năm khi dịch vụ được cung cấp. Học phí và các khoản phí thu trước của sinh viên được ghi nhận vào tài khoản người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tài chính có kỳ học liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)*****Nộp học phí và phí***

Toàn bộ học phí và phí được nộp trước khi bắt đầu mỗi kỳ học.

Phí tuyển sinh hoặc phí đăng ký dự thi

Phí đăng ký dự thi là khoản phí cố định nộp một lần được tính trên mỗi sinh viên và được thu cùng với đơn đăng ký tuyển sinh. Tiền thu từ phí đăng ký được sử dụng để trang trải cho các chi phí liên quan đến toàn bộ các thủ tục xử lý hồ sơ tuyển sinh của mỗi sinh viên bao gồm cả công tác quản lý đánh giá quá trình học tập tại trường trước và sắp xếp sinh viên cho phù hợp. Phí đăng ký dự thi không được hoàn lại.

Ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh khi Tập đoàn thực hiện hoạt động tại nước ngoài được ghi nhận như tài sản và nợ phải trả liên quan đến hoạt động tại nước ngoài và được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc hoạt động này.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở nước ngoài

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Tập đoàn tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ báo cáo trừ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Tập đoàn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với toàn bộ cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt của Tập đoàn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung ứng sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hai lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính dưới sự quản lý của Công ty Cổ phần FPT, cụ thể như sau:

Công nghệ thông tin và viễn thông: cung cấp các sản phẩm và dịch vụ bao gồm: tích hợp hệ thống; sản xuất và cung cấp dịch vụ phần mềm; các dịch vụ công nghệ thông tin; các dịch vụ ERP; sản xuất các sản phẩm công nghệ; phân phối sản phẩm công nghệ thông tin; phân phối điện thoại di động; dịch vụ giải pháp phần mềm; các dịch vụ viễn thông và internet; đào tạo; bảo hành và bảo trì thiết bị công nghệ thông tin và thiết bị viễn thông và các dịch vụ viễn thông khác.

Đầu tư: hoạt động hỗ trợ tài chính và tư vấn đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010
	VND	VND
I. DOANH THU		
Doanh thu kinh doanh	25.940.856.206.059	20.516.583.689.521
A. Tín học và Viễn thông	25.858.013.037.195	20.422.960.849.427
1 Viễn thông	2.357.354.389.965	2.082.258.366.780
2 Nội dung số	1.132.013.932.850	377.047.410.918
3 Phát triển Phần mềm	1.880.586.097.685	1.451.394.220.427
4 Tích hợp Hệ thống	3.296.616.414.098	2.476.992.128.608
5 Dịch vụ Tín học	523.501.383.291	416.549.200.631
6 Giáo dục	398.325.197.677	279.310.522.064
7 Sản xuất và phân phối sản phẩm công nghệ	16.269.615.621.629	13.339.409.000.000
B. Đầu tư	82.843.168.864	93.622.840.094
1 Đầu tư	82.843.168.864	93.622.840.094
II. LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		
A. Tín học và Viễn thông	2.407.369.798.016	1.858.407.997.641
1 Viễn thông	550.371.199.781	491.351.856.925
2 Nội dung số	250.368.906.425	106.811.159.417
3 Phát triển Phần mềm	498.378.398.609	382.921.761.121
4 Tích hợp Hệ thống	395.533.318.608	295.817.858.803
5 Dịch vụ Tín học	57.557.413.012	67.700.080.262
6 Giáo dục	134.375.387.596	101.971.453.829
7 Sản xuất và phân phối sản phẩm công nghệ	520.785.173.985	411.833.827.284
B. Đầu tư	107.655.117.631	164.785.148.801
1 Đầu tư	107.655.117.631	164.785.148.801
<i>Phần lợi nhuận từ công ty liên kết</i>	<i>60.762.006.711</i>	<i>107.833.643.476</i>
<i>Đầu tư khác</i>	<i>46.893.110.920</i>	<i>56.951.505.325</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31-12-2011	31-12-2010
	VND	VND
Tiền mặt	17.318.584.092	10.920.995.380
Tiền gửi ngân hàng	1.741.378.661.946	850.791.841.774
Tiền đang chuyển	10.600.091.822	5.635.500
Các khoản tương đương tiền (i)	1.131.091.262.590	574.409.292.876
Tổng cộng	2.900.388.600.451	1.436.127.765.530

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay và ủy thác đầu tư ngắn hạn với thời hạn dưới một năm.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31-12-2011	31-12-2010
	VND	VND
Phải thu từ trợ giá cho hàng bán	54.672.450.776	35.661.438.476
Các khoản phải thu khác	326.735.143.047	520.536.496.921
Tổng cộng	381.407.593.823	556.197.935.397

9. HÀNG TỒN KHO

	31-12-2011	31-12-2010
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	456.781.820.611	634.653.780.411
Nguyên vật liệu	73.469.774.142	-
Công cụ và dụng cụ	6.207.927.634	7.276.998.469
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	265.418.543.615	287.261.878.433
Thành phẩm	592.161.145	5.204.318.859
Hàng hóa mua để bán	2.482.015.164.035	1.526.056.741.869
Tổng cộng	3.284.485.391.182	2.460.453.718.041
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(18.833.150.463)	(11.981.819.351)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	3.265.652.240.719	2.448.471.898.690

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Tài sản ngắn hạn khác thể hiện chủ yếu là khoản tiền đặt cọc cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) theo Biên bản thỏa thuận đặt cọc ngày 8 tháng 10 năm 2010 ký giữa Công ty Cổ Phần FPT và Tập Đoàn Điện lực Việt Nam.

Tại ngày 31/12/2011 Khoản tiền đặt cọc cho EVN đã được Công ty FPT thu hồi

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MAU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***II. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị văn phòng		Tài sản khác		Tổng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
NGUYỄN GIÁ												
Tại ngày 01/01/2011	341.377.340.321		1.366.330.046.577		57.580.294.777		620.661.060.107		7.612.008.740		2.393.560.750.522	
Tăng do mua sắm	71.430.048.455		109.633.087.168		7.036.633.128		132.588.329.240		7.918.904.437		328.607.002.428	
Tăng do XDCB hoàn thành	93.967.948.750		7.635.587.507		-		-		-		101.603.536.257	
Thanh lý, nhượng bán			(54.739.825.294)		(2.524.415.326)		(51.636.753.906)		(520.229.354)		(109.421.223.880)	
Tăng/(Giảm) khác	(206.929.748)		(22.472.684.461)		6.161.416		(14.062.115.130)		-		(36.735.567.923)	
Tại ngày 31/12/2011	506.568.407.778		1.406.386.211.497		62.098.673.995		687.550.520.311		15.010.683.823		2.677.614.497.404	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY												
Tại ngày 01/01/2011	35.521.785.991		570.040.967.482		17.312.621.151		334.747.380.112		2.202.715.911		959.825.470.647	
Khấu hao trong năm	24.344.359.027		135.624.183.848		11.293.209.136		147.430.530.861		998.416.372		319.690.699.244	
Thanh lý, nhượng bán			(37.606.688.707)		(1.393.395.821)		(29.614.678.282)		(398.637.040)		(69.013.419.850)	
Tăng/(Giảm) khác			(14.703.508.695)		(2.084.894)		(8.173.503.445)		-		(22.879.097.034)	
Tại ngày 31/12/2011	59.866.145.018		653.354.953.928		27.210.349.572		444.389.729.247		2.802.475.243		1.187.623.653.007	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI												
Tại ngày 31/12/2011	446.702.262.760		753.031.257.569		34.888.324.423		243.160.791.065		12.208.208.580		1.489.990.844.397	
Tại ngày 01/01/2011	305.855.554.330		796.289.079.095		40.267.673.626		285.913.679.995		5.409.292.829		1.433.735.279.875	

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm vi tính	Giấy phép quyền phát hành và bản quyền	
	VND	VND	VND	VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	23.979.324.875	175.351.445	94.803.352.204	209.933.158.169	328.891.186.693
Tăng do mua sắm	39.052.503.580		27.477.812.424		66.530.316.004
Tăng khác			332.006.467		332.006.467
Thanh lý, nhượng bán			(53.750.000)	(1.665.356.550)	(53.750.000)
Giảm khác					(1.665.356.550)
Tại ngày 31/12/2011	63.031.828.455	175.351.445	122.559.421.096	208.267.801.619	394.034.402.615
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	450.454.208	175.351.445	49.863.761.213	35.024.710.088	85.514.276.954
Khấu hao trong kỳ	438.408.952		18.624.814.343	16.510.317.124	35.573.540.419
Tăng khác					-
Thanh lý, nhượng bán					-
Giảm khác				659.499.695	659.499.695
Tại ngày 31/12/2011	888.863.160	175.351.445	68.488.575.556	52.194.526.907	121.747.317.068
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	62.142.965.295	-	54.070.845.540	156.073.274.712	272.287.085.547
Tại ngày 31/12/2010	23.528.870.667	-	44.939.590.991	174.908.448.081	243.376.909.739

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31-12-2011	31-12-2010
	VND	VND
Dự án Khu công nghệ cao T.P HCM	-	93.967.948.750
Dự án HH4 - Nam An Khánh	92.978.439.918	83.566.328.590
Tòa nhà FPT tại 89 Láng Hạ, Hà Nội	106.066.986.266	63.898.636.105
Trường Trung học cơ sở FPT	40.015.415.241	35.848.201.333
Đại học FPT	109.683.626.228	32.067.414.441
Khu Công nghiệp cao Hòa Lạc	6.718.482.613	5.880.463.592
Phát triển trò chơi trực tuyến	12.731.901.955	3.678.700.000
Tòa nhà FPT tại Đà Nẵng	3.962.405.369	1.182.891.187
Tòa nhà VP ITG tại HCM	27.151.467.251	-
Khác	23.776.531.599	2.405.890.077
Tổng cộng	423.085.256.440	322.496.474.075

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2011 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	101 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	100,00%	100,00%	Cung cấp các giải pháp CNTT và tích hợp hệ thống
Công ty TNHH Phần mềm FPT	Tầng 6-12 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100,00%	100,00%	Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm phần mềm
Công ty TNHH Thương mại FPT	Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100,00%	100,00%	Sản xuất các sản phẩm công nghệ và phân phối các linh kiện CNTT và điện thoại di động, chế tạo máy tính
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (i)	Tầng 2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	42,51%	42,51%	Cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, quảng cáo trực tuyến, trò chơi trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác
Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT	408 Điện Biên Phủ, P11 Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh	49,58%	82,37%	Cung cấp các dịch vụ trực tuyến
Công ty TNHH Giáo dục FPT	Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100,00%	100,00%	Cung cấp dịch vụ đào tạo và công nghệ

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT	Số 153 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Sản xuất và dàn dựng các bản tin và các chương trình, giải trí; cung cấp dịch vụ viễn thông và dịch vụ quảng cáo
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học FPT	Số 25 ngõ 68 đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100,00%	100,00%	Cung cấp các dịch vụ sửa chữa, bảo hành, bảo trì cho các thiết bị điện tử, công nghệ và công nghiệp
Công ty TNHH Đầu tư FPT	Tầng 13, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100,00%	100,00%	Hỗ trợ dịch vụ tài chính và tư vấn đầu tư
Công ty TNHH Tháp Láng Hạ	Số 89 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	99,8%	100,00%	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ tư vấn quản lý bất động sản

- (i) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 42,51% phần vốn (31/12/2010: 43,06%) và nắm giữ 42,51% quyền biểu quyết (31/12/2010: 43,06%) tại Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Tuy nhiên, Tập đoàn có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Như vậy, Tập đoàn có quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó các báo cáo tài chính của Công ty này được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31-12-2011	31-12-2010
	VND	VND
Số dư đầu kỳ/ năm	714.707.561.179	381.217.015.904
Đầu tư vào các công ty liên kết trong kỳ/ năm	(7.764.000.000)	265.671.420.000
Phần lợi nhuận của Tập đoàn trong kết quả kinh doanh của công ty liên kết	44.288.089.127	87.904.125.275
Cổ tức nhận được	(32.770.713.500)	(20.085.000.000)
Số dư cuối kỳ/ năm	718.460.936.806	714.707.561.179

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2011 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	20,00%	Các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và dịch vụ lưu ký chứng khoán
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư FPT	Tầng 8, Tòa nhà TTC Lô B1A Phường Dịch Vọng Hậu, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	25,00%	Quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư và các dịch vụ khác
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (i)	Tầng 1-2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	16,90%	Thực hiện dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính liên quan tại Việt Nam

- (i) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 16,90% quyền biểu quyết (31/12/2010: 16,90%) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong. Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể đến Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong thông qua đại diện có vai trò chủ chốt của Tập đoàn trong Hội đồng Quản trị của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong. Do đó, báo cáo tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất này theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31-12-2011 VNĐ	31-12-2010 VNĐ
Ủy thác đầu tư qua Công ty Cổ phần quản lý quỹ Đầu tư FPT	97.200.000.000	195.209.038.800
Quỹ Đầu tư Việt Nam (BVIM)	30.000.000.000	30.000.000.000
Quỹ Đầu tư Việt Nhật	44.870.000.000	36.300.000.000
Khác	14.506.652.500	12.195.852.500
	186.576.652.500	273.704.891.300

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Tài sản cố định	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Doanh thu	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	24.490.010.700	17.320.885.988	34.253.014.452	76.063.911.140
Chuyển sang lợi nhuận/(lỗ) trong năm	(1.072.854.080)	(10.585.151.823)	9.956.017.163	(1.701.988.741)
Tại ngày 31/12/2011	23.417.156.620	6.735.734.165	44.209.031.615	74.361.922.399

18. VAY NGẮN HẠN

	31-12-2011	31-12-2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn các ngân hàng (i)	2.866.580.345.781	2.666.043.768.250
Vay ngắn hạn các cá nhân	7.874.341.071	9.881.317.102
Nợ ngắn hạn (ii)	1.800.000.000.000	-

- (i) Khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng và các tổ chức kinh tế được thực hiện chủ yếu dưới hình thức tín chấp và tín dụng thư. Các khoản tín dụng này có thể rút bằng VND hoặc USD. Các khoản vay này không có đảm bảo và lãi suất được quy định cụ thể theo mỗi lần rút vốn.
- (ii) Khoản nợ dài hạn đến hạn trả là khoản Trái phiếu FPT năm 2009, đáo hạn vào ngày 09/10/2012 (chi tiết xem tại thuyết minh số 21)

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31-12-2011	31-12-2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	136.389.739.971	86.215.411.119
Thuế xuất, nhập khẩu	26.898.893.636	36.601.849.672
Thuế thu nhập doanh nghiệp	151.276.027.592	107.559.480.359
Thuế thu nhập cá nhân	10.493.906.063	6.798.195.800
Thuế nhà thầu	1.469.228.166	1.997.126.568
Thuế khác	2.971.349.563	3.031.459.110
Tổng cộng	329.499.144.991	242.203.522.628

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31-12-2011</u>	<u>31-12-2010</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	15.893.092.255	14.123.409.767
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.072.773.155	1.993.744.097
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	277.446.868.652	21.470.124.720
Phải trả tiền cổ tức	3.864.876.366	2.892.536.467
Chi phí hỗ trợ quảng cáo nhận trước từ nhà cung cấp	90.933.226.465	88.171.050.775
Phải trả khoản lãi nhận trước		43.823.333.333
Các khoản phải trả, phải nộp khác	126.021.865.645	113.916.940.337
Tổng cộng	<u>516.232.702.538</u>	<u>286.391.139.496</u>

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31-12-2011</u>	<u>31-12-2010</u>
	VND	VND
Trái phiếu (i)	-	1.800.000.000.000
Vay ngân hàng	274.583.554	359.913.819
Tổng cộng	<u>274.583.554</u>	<u>1.800.359.913.819</u>

- (i) Thể hiện giá trị trái phiếu phát hành trong năm 2009, tương đương với 1.800 lô ("Lô") được chào bán gồm trái phiếu xác định nghĩa vụ trả nợ đầu tiên và không có bảo đảm bằng tài sản có tổng mệnh giá bằng 1.800 tỷ VND, lãi suất 7%/năm, đáo hạn năm 2012 ("Trái Phiếu") và 2.084.400 Chứng quyền. Mỗi Chứng quyền sẽ cho phép người sở hữu Chứng quyền, tùy thuộc vào một số điều kiện nhất định, được quyền mua 10 Cổ phiếu phát hành cho mỗi Chứng quyền với mức giá thỏa thuận là 920.250 VND/Chứng quyền. Ngày thực hiện Chứng quyền được quy định là ngày 09 tháng 10 năm 2011, ngày 09 tháng 10 năm 2012, ngày 09 tháng 10 năm 2013. Trái phiếu đã được bán hết tại ngày 09 tháng 10 năm 2009.

Theo Thông báo số 167/FPT-FAF ngày 30 tháng 5 năm 2010, tỷ lệ thực hiện Chứng quyền được thay đổi; do vậy, mỗi Chứng quyền sẽ cho phép người sở hữu Chứng quyền được mua 13,324 Cổ phiếu phát hành cho mỗi Chứng quyền với mức giá thỏa thuận là 920.250 đồng/Chứng quyền.

Tại ngày 31/12/2011 khoản này đã được phân loại lên chi tiêu "Vay và Nợ ngắn hạn".

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÀU SỐ B 09-DN/HN

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn	Cổ phiếu quỹ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND		VND	VND		VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư tại ngày 01-01-2010	1.438.319.670.000	54.851.281.360	(2.805.550.000)	5.986.559.541	103.009.261	94.761.377.392	1.408.284.573.142	2.999.500.920.696					
Phát hành cổ phiếu	18.146.090.000	5.161.038.885						23.307.128.885					
Lợi nhuận thuần trong năm							1.264.506.352.990	1.264.506.352.990					
Biến động cổ phiếu quỹ													
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận			2.113.400.000						18.401.646.528	(18.401.646.528)			
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi													
Sử dụng các quỹ													
Cổ tức	478.339.410.000												
Biến động khác				11.289.531.590					(217.126.314)				
Số dư tại ngày 01-01-2011	1.934.805.170.000	60.012.320.245	(692.150.000)	17.276.091.131	103.009.261	112.945.897.606	1.856.200.376.305	3.980.650.714.548					
Phát hành cổ phiếu	226.021.590.000							226.021.590.000					
Lợi nhuận thuần trong năm													
Biến động cổ phiếu quỹ													
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận													
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi													
Sử dụng các quỹ													
Cổ tức													
Biến động do hoàn đổi cổ phiếu		(10.465.440.761)		2.527.373.909									
Số dư tại ngày 31-12-2011	2.160.826.760.000	49.546.879.484	(513.440.000)	19.803.465.040	103.009.261	115.476.089.217	3.181.654.084.812	5.526.896.847.813					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Số cổ phiếu đang lưu hành

	31-12-2011	31-12-2010
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Vốn cổ phần được duyệt	216.082.676	193.480.517
Cổ phiếu đã phát hành	216.082.676	193.480.517
Cổ phiếu phổ thông	215.202.175	192.978.824
Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	880.501	501.693
Cổ phiếu quỹ	(51.344)	(69.215)
Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	(51.344)	(69.215)
Cổ phiếu đang lưu hành	216.031.332	193.411.302
Cổ phiếu phổ thông	215.202.175	192.978.824
Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	829.157	432.478

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

Các cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ phiếu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi không được bán lại các cổ phiếu mà họ nắm giữ trong một thời gian quy định kể từ ngày phát hành.

23. DOANH THU

	31-12-2011	31-12-2010
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.524.754.735.386	41.559.138.561.216
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	34.139.318.965.159	33.616.000.898.675
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.385.435.770.227	7.943.137.662.541
Các khoản giảm trừ	(23.143.161.740)	(21.511.162.934)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.501.611.573.646	41.537.627.398.282
	-	-
	31-12-2011	31-12-2010
	VND	VND
Doanh thu thuần bán cho các bên thứ ba	25.439.820.457.009	20.017.303.667.573
Doanh thu thuần bán cho các đơn vị thành viên của tập đoàn	501.035.749.050	499.280.021.948
Tổng doanh thu kinh doanh	25.940.856.206.059	20.516.583.689.521

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	31-12-2011	31-12-2010
	VND	VND
Doanh thu lãi tiền gửi	372.304.874.987	292.979.313.642
Lãi chênh lệch tỷ giá	126.250.672.970	104.165.340.738
Doanh thu khác	50.400.043.596	67.114.152.887
Tổng cộng	548.955.591.553	464.258.807.267

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	31-12-2011	31-12-2010
	VND	VND
Chi phí lãi vay	251.784.496.392	238.147.740.131
Lỗ chênh lệch tỷ giá	393.444.558.146	278.862.741.599
Chi phí tài chính khác	53.746.567.347	42.116.519.541
Tổng cộng	698.975.621.885	559.127.001.271

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 09 năm 2011 được tính dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, được thực hiện như sau:

	31-12-2011	31-12-2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.691.266.096.679	1.264.506.352.989
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	213.957.879	192.053.388
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.905	6.584



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 02 năm 2012

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Địa chỉ: 89 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính quý IV năm 2011

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Quý IV/ 2011

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu năm
I	Tài sản ngắn hạn	11.410.324.009.188	8.839.022.362.540
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	2.900.388.600.451	1.436.127.765.530
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	860.197.468.810	563.892.171.622
3	Các khoản phải thu	3.835.502.333.309	3.248.876.343.735
4	Hàng tồn kho	3.265.652.240.719	2.448.471.898.690
5	Tài sản ngắn hạn khác	548.583.365.899	1.141.654.182.963
II	Tài sản dài hạn	3.614.584.884.796	3.465.522.080.811
1	Các khoản phải thu dài hạn	1.028.639.950	376.000.000
2	Tài sản cố định	2.185.959.023.343	2.000.339.297.036
	- Nguyên giá TSCĐ hữu hình	2.677.614.497.404	2.393.560.750.522
	- Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình	(1.187.623.653.007)	(959.825.470.647)
	- Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính	965.721.579	927.323.115
	- Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ thuê tài chính	(369.884.621)	(196.689.768)
	- Nguyên giá TSCĐ vô hình	394.034.402.615	328.891.186.693
	- Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ vô hình	(121.747.317.068)	(85.514.276.954)
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	423.085.256.440	322.496.474.075
3	Bất động sản đầu tư	-	-
	- Nguyên giá	-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	885.742.270.022	978.169.714.467
5	Lợi thế thương mại	216.366.360.783	221.714.243.896
6	Tài sản dài hạn khác	325.488.590.697	264.922.825.412
III	Tổng tài sản	15.024.908.893.983	12.304.544.443.351
IV	Nợ phải trả	8.528.728.913.844	7.255.512.891.181
1	Nợ ngắn hạn	7.779.804.662.764	5.152.730.979.290
2	Nợ dài hạn	232.691.548.541	1.816.390.772.395
3	Nợ khác	516.232.702.538	286.391.139.496
V	Vốn chủ sở hữu	5.526.896.847.813	3.980.650.714.548
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.160.826.760.000	1.934.805.170.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	49.546.879.484	60.012.320.245
	- Cổ phiếu quỹ	(513.440.000)	(692.150.000)
	- Các quỹ	135.382.563.518	130.324.997.998
	- Lợi nhuận chưa phân phối	3.181.654.084.812	1.856.200.376.305
VI	Nguồn kinh phí và quỹ khác	2.750.000.000	2.750.000.000
VII	Lợi ích của cổ đông thiểu số	966.533.132.326	1.065.630.837.622
VIII	Tổng nguồn vốn	15.024.908.893.983	12.304.544.443.351



CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Địa chỉ: 89 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính quý IV năm 2011

II-A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

(Áp dụng đối với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, dịch vụ...)

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	13.832.026.163.451	43.501.611.573.646
	<i>Trong đó: - Doanh thu thuần đã loại trừ phần nội bộ (*)</i>	7.218.827.670.343	25.940.856.206.059
	<i>- Doanh thu thuần bán cho bên thứ ba</i>	7.022.397.636.936	25.439.820.457.009
2	Giá vốn hàng bán	12.178.538.952.968	38.152.129.583.638
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	1.653.487.210.483	5.349.481.990.009
4	Doanh thu hoạt động tài chính	120.361.598.180	548.955.591.553
5	Chi phí tài chính	135.532.517.881	698.975.621.885
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	54.626.306.021	251.784.496.392
6	Chi phí bán hàng	259.466.488.820	819.844.370.319
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	717.798.738.813	1.970.696.416.767
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	661.051.063.148	2.408.921.172.592
9	Thu nhập khác	115.737.837.111	242.857.292.710
10	Chi phí khác	102.360.554.271	197.515.556.368
11	Lợi nhuận khác	13.377.282.840	45.341.736.343
12	Lợi nhuận từ công ty liên doanh liên kết	(25.782.152.604)	60.762.006.741
13	Lợi nhuận trước thuế	648.646.193.384	2.515.024.915.645
14	Thuế thu nhập phải nộp	59.431.702.369	424.727.295.240
15	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	9.525.457.268	1.701.988.741
15	Lợi nhuận sau thuế	579.689.033.747	2.088.595.631.665
	<i>- Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>	116.943.179.029	397.329.534.986
	<i>- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</i>	462.745.854.717	1.691.266.096.679
16	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	2.163	7.905
17	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (đã trả trong kỳ báo cáo)	1.000	1.500

Ghi chú (*): Là doanh số bao gồm bán cho khách hàng bên ngoài và phần doanh thu bán cho các đơn vị trong tập đoàn với mục đích kinh doanh (ví dụ như doanh thu FPT Telecom bán dịch vụ Internet cho các đơn vị khác trong tập đoàn FPT)

Lập ngày 01 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng



Phó Tổng giám đốc

Nguyễn Thế Phương

Hoàng Hữu Chiến